HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **BAN PHÁP CHẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:23 /BC- BPC	*Hải Phòng, ngày* 15 *tháng* 4 *năm 2026*

BÁO CÁO
Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(trình Kỳ họp thứ Nhất - Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-HĐND ngày 31/3/2026 của Thường trực HĐND thành phố về chuẩn bị Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026 - 2031; Trên cơ sở dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 16/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng; ngày 19/3/2026 Ban Pháp chế HĐND thành phố đã tổ chức họp thẩm tra Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở các ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến tham gia của các đại biểu tại cuộc họp, UBND thành phố đã chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Ngày 02/4/2026, UBND thành phố đã ban hành Tờ trình số 99/TTr-UBND thay thế Tờ trình số 81/TTr-UBND, trình HĐND thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và Hồ sơ do UBND thành phố trình, Ban Pháp chế HĐND thành phố báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. Nội dung UBND thành phố trình HĐND thành phố:

UBND thành phố đề nghị HĐND thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng, với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố.

2. Nguyên tắc và nội dung chi:

- Thực hiện khoán chi theo nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

- Bảo đảm phù hợp quy định của Trung ương, gắn với kết quả, sản phẩm đầu ra;

- Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chủ động phân bổ, sử dụng kinh phí theo quy định.

3. Mức chi

- Xác định trên cơ sở tổng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP;

- Bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và tính chất, mức độ phức tạp của từng nhiệm vụ xây dựng văn bản.

II. Kết quả thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND thành phố

1. Về thẩm quyền ban hành Nghị quyết

1.1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật xác định rõ yêu cầu các cấp ủy, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phải quan tâm bố trí đầy đủ nguồn lực cho công tác pháp chế và xây dựng pháp luật, đồng thời có cơ chế tài chính và chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật nhấn mạnh yêu cầu "đầu tư cho công tác xây dựng pháp luật là đầu tư cho phát triển", đồng thời yêu cầu đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng pháp luật theo nguyên tắc khoán chi theo nhiệm vụ, hoạt động.

- Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 24/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW xác định nhiệm vụ: (i) Đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng pháp luật; (ii) Bảo đảm kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật theo nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ và gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Điểm b và điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách của địa phương (điểm b); Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (điểm c).*

- Điểm h và điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền: *Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân quyết định một số chế độ, tiêu chuẩn, định*

mức chi ngân sách theo khung do Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định (điểm h); Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương (điểm l).

- Điểm b và điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để: *Quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên (điểm b); Quy định các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (điểm c).*

- Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật quy định: *(i) Kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật được thực hiện theo cơ chế khoán chi theo nhiệm vụ hoặc theo hoạt động**;** (ii) Tổng mức chi đối với việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là 250 triệu đồng/văn bản; đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 100 triệu đồng/văn bản.*

- Khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 197/2025/QH15 quy định: *"Người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này được quyền chủ động quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này; chịu trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách được giao; bảo đảm việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch".*

- Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về định mức khoán chi trong xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật chưa được quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 quy định:

*"**Tổng mức chi** trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và **trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây**:*

a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 30.000.000 đồng/01 văn bản;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản;

c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản."

- Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đã quy định định mức khoán chi trong xây dựng văn bản QPPL đối với văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản QPPL; theo đó:

+ Tổng mức chi đối với văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản QPPL trở lên: Bằng 100% tổng mức chi đối với văn bản QPPL (văn bản QPPL mới hoặc thay thế).

+ Tổng mức chi đối với văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản QPPL: Bằng 60% tổng mức chi đối với văn bản QPPL mới hoặc thay thế.

+ Tổng mức chi đối với văn bản QPPL bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản QPPL: Bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản QPPL.

- Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định: *"Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; thông tư, thông tư liên tịch; nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ trong phạm vi tổng mức chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 hoặc quy định tại Điều 5 của Nghị định này".*

1.3. Chủ trương của Ban Thường vụ Thành ủy

Ngày 08/4/2026, Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Thông báo số 339-TB/TU đồng ý chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Do vậy, việc Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng là **đúng thẩm quyền.**

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính[1] (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022), Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (trước hợp nhất) đã ban hành

[1] Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Đối với thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất), việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện trực tiếp theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC).

Sau khi hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng theo chủ trương của Trung ương, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của hai địa phương trước hợp nhất đã được rà soát, xử lý nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Theo đó, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, trong đó có Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định về định mức phân bổ kinh phí và nội dung chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Hiện tại việc bố trí kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố được thực hiện theo các nội dung, mức chi quy định tại Thông tư 338/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC).

Tuy nhiên, quy định tại Thông tư nêu trên mang tính chất khung, chưa cụ thể hóa theo điều kiện, đặc thù của địa phương sau hợp nhất. Mặt khác, ngày 17/5/2025 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 197/2025/QH15, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025, Bộ Tư pháp đã có hướng dẫn tại Công văn số 31/BTP-PLDSKT ngày 07/01/2026 đề nghị các địa phương chủ động ban hành quy định cụ thể về nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng là cần thiết, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương; tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định; đồng thời góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

3. Về sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách theo hướng khoán chi gắn với kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động theo tinh thần Nghị

quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Thành ủy.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được soạn thảo cơ bản bảo đảm yêu cầu về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời phù hợp với các quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đúng trình tự, thủ tục; cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; đồng thời tiếp thu ý kiến kết luận của Ban Pháp chế tại cuộc họp thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất trình Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

5. Về nội dung của Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết bao gồm 8 Điều quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng 05 loại văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương, cụ thể như sau:

5.1. Về mức chi đối với từng loại văn bản

(i)- Nhóm 02 loại văn bản áp dụng mức chi do Trung ương quy định, gồm:

+ Nghị quyết của HĐND thành phố: 250 triệu đồng/văn bản;

+ Quyết định của UBND thành phố: 100 triệu đồng/văn bản;

(ii)- Nhóm 03 loại văn bản thuộc thẩm quyền HĐND thành phố quyết định mức chi

+ Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố là 50 triệu đồng/văn bản *(cao hơn 20 triệu đồng so mức tham chiếu tại Nghị định);*

+ Nghị quyết của HĐND cấp xã là 30 triệu đồng/văn bản *(cao hơn 20 triệu đồng so với mức tham chiếu);*

+ Quyết định của UBND cấp xã là 20 triệu đồng/văn bản *(cao hơn 12 triệu đồng so với mức tham chiếu).*

Đối với 03 loại văn bản nêu trên, Ban Pháp chế có ý kiến như sau:

- Về cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định mức chi đối với các loại văn bản nêu trên chỉ mang tính chất tham chiếu, đồng thời giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tình hình thực tế của địa phương để quyết định mức chi cụ thể.

- Về cơ sở thực tiễn: các mức chi nêu trên được xây dựng trên cơ sở (i) Tham khảo mức chi của một số địa phương, trong đó có các đô thị lớn như **thành phố Hà Nội**; (ii) xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; (iii) Số lượng văn bản quy phạm pháp luật do cấp xã ban

hành không nhiều *(Năm 2026 khoảng 1 - 2 văn bản/địa phương)*; (iv) đã được Sở Tài chính thẩm định nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

Do vậy, việc Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định mức chi cao hơn mức tham chiếu quy định tại Nghị định, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu thực tiễn của địa phương là phù hợp với thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

5.2. Về mức chi đối với văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đối với văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên bằng 100% mức chi của văn bản mới; sửa đổi, bổ sung 01 văn bản bằng 60%; văn bản bãi bỏ bằng 30% tổng mức chi.

Quy định này phù hợp với khoản 4 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, bảo đảm nguyên tắc mức chi tương ứng với khối lượng, tính chất công việc và tính thống nhất với quy định của Trung ương.

5.3. Về cơ cấu phân bổ chi trong quá trình xây dựng văn bản

Ban Pháp chế nhất trí với tỷ lệ phân bổ nhiệm vụ chi: 60% cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình; 30% cho thẩm tra; 10% cho thông qua.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất cơ cấu chi theo từng giai đoạn là phù hợp với quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của hoạt động thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân; vai trò của đại biểu HĐND; tương xứng khối lượng công việc[2], sự đồng hành phối

---

[2] Chi cho hoạt động xây dựng, soạn thảo, thẩm định và trình văn bản: 60% (*gồm các công việc: đăng ký xây dựng Nghị quyết; tổ chức khảo sát, tổng kết hoặc đánh giá thực trạng pháp luật có liên quan đến nội dung dự thảo Nghị quyết; soạn thảo hồ sơ dự thảo Nghị quyết; đánh giá tác động chính sách và đánh giá tác động thủ tục hành chính - nếu có; tổ chức lấy ý kiến, thực hiện phản biện xã hội; tổ chức truyền thông nội dung dự thảo Nghị quyết; tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện hồ sơ dự thảo; thẩm định; giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thông qua; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của thành viên UBND thành phố; trình Hội đồng nhân dân thành phố*).

+ Chi cho hoạt động thẩm tra: 30% (*gồm các công việc: thẩm tra đăng ký xây dựng nghị quyết, danh mục nghị quyết; thẩm tra dự thảo Nghị quyết: xây dựng kế hoạch, đề cương, tổ chức khảo sát để thu thập thông tin, số liệu và làm việc với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; tổ chức Hội thảo để lấy tham gia ý kiến chính sách (nếu cần thiết); tổ chức thẩm tra Hồ sơ dự thảo Nghị quyết do Ủy ban nhân dân thành phố trình; hoàn thiện báo cáo thẩm tra, trình, xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND thành phố; đề xuất chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thành phố; rà soát, tiếp thu, chỉnh sửa ý kiến tham gia của các đại biểu, hoàn thiện Hồ sơ trình Chủ tịch HĐND thành phố ban hành.*

+ Chi cho hoạt động thông qua tại kỳ họp HĐND thành phố: 10% (*gồm các công việc: Nghiên cứu hồ sơ, thảo luận Tổ, thảo luận tại Hội trường và biểu quyết thông qua*).

hợp các Ban HĐND thành phố với các cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân thành phố.

Việc điều chỉnh mức chi và cơ cấu phân bổ kinh phí, đồng thời tách riêng phần kinh phí cho hoạt động thông qua là phù hợp với yêu cầu thực tiễn đối với chất lượng xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố[3]; nâng cao vai trò, trách nhiệm của Đại biểu; bảo đảm tương xứng giữa nhiệm vụ, khối lượng công việc và chủ động phối hợp, đồng hành giữa các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân thành phố với các cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

5.4. Về nguồn kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 khoảng 72,1 tỷ đồng, tăng khoảng 63,9 tỷ đồng so với năm 2025.

Mặc dù tổng kinh phí tăng tương đối, tuy nhiên chủ yếu tập trung ở nhóm văn bản cấp thành phố do áp dụng mức chi do Trung ương quy định, theo đó kinh phí xây dựng Nghị quyết HĐND tăng 22,5 tỷ; Quyết định UBND tăng 29 tỷ.

Đối với nhóm văn bản cấp xã và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, mặc dù mức chi tăng so với mức tham chiếu nhưng số lượng văn bản phát sinh không nhiều nên tổng kinh phí tăng thêm không lớn, cụ thể: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố tăng 01 tỷ; Nghị quyết HĐND cấp xã tăng 6,84 tỷ; Quyết định của UBND cấp xã tăng 4,56 tỷ.

5.5. Về hiệu lực thi hành: Thống nhất từ ngày 01/01/2026, bảo đảm phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và yêu cầu thực tiễn trong tổ chức thực hiện.

III. Kết luận của Ban Pháp chế

Trên cơ sở kết quả thẩm tra, Ban Pháp chế nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị quyết và đề nghị:

1. HĐND thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đề nghị Thường trực HĐND thành phố cho ý kiến chỉ đạo việc nghiên cứu, thể chế hóa nội dung quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân

[3] Quy trình thẩm tra gồm: Thẩm tra đăng ký xây dựng Nghị quyết, thẩm tra dự thảo Nghị quyết, họp Thường trực HĐND thành phố xem xét, cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết; xét cần thiết có thể tiến hành khảo sát, thu thập thông tin.

các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức triển khai thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, UBND các cấp nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng quy định; sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

- Chỉ đạo rà soát, kịp thời bổ sung dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các sai phạm (nếu có) theo quy định; định kỳ đánh giá việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Ban Pháp chế HĐND thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- UBND TP;
- LĐ, UV Ban PC HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- TTTP, TC;
- Lưu: VT, Độ.

TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phạm Quốc Ka